

## NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP BÁCH ĐẶT RA TRONG QUÁ TRÌNH ĐỒNG BÀO KHMER Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐI LÊN CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA

Võ Văn Sen, Trần Nam Tiến

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

**TÓM TẮT:** Người Khmer là một dân tộc trong cộng đồng 54 dân tộc anh em cùng chung sống trên mảnh đất Việt Nam, tập trung đông nhất ở đồng bằng sông Cửu Long. Sau năm 1975, cùng với những thành tựu chung của đồng bào các dân tộc trong cả nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp, đồng bào Khmer đã phát huy truyền thống, không ngừng phấn đấu vượt qua khó khăn, đạt được tiến bộ về nhiều mặt, góp phần xứng đáng vào thành tựu chung của sự nghiệp đổi mới đất nước. Tuy nhiên, tình hình sản xuất cũng như đời sống của đồng bào người Khmer tuy đã chuyển biến mạnh nhưng chưa đều và vẫn còn một số vấn đề mang tính cấp bách đặt ra cần giải quyết trong quá trình người Khmer đồng bằng sông Cửu Long đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bài viết tập trung nêu ra và phân tích ba vấn đề chính mang tính “cấp bách” của đồng bào Khmer đồng bằng sông Cửu Long hiện nay: vấn đề ruộng đất, vấn đề đói nghèo và vấn đề quan hệ của người Khmer với các dân tộc khác, trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp góp phần giải quyết các vấn đề trên.

**Từ khóa:** người Khmer, đồng bằng sông Cửu Long, vấn đề ruộng đất, vấn đề đói nghèo

### 1. VÀI NÉT VỀ NGƯỜI KHMER ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Người Khmer là một dân tộc trong cộng đồng 54 dân tộc anh em cùng chung sống trên mảnh đất Việt Nam, với dân số đông hàng thứ năm sau người Kinh, người Tày, người Thái và người Mường. Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, người Khmer ở Việt Nam có dân số 1.260.640 người, trong đó tập trung đông nhất tại đồng bằng sông Cửu Long, cụ thể tại các tỉnh: Sóc Trăng (397.014 người, chiếm 30,7 % dân số toàn tỉnh và 31,5 % tổng số người Khmer tại Việt Nam), Trà Vinh (317.203 người, chiếm 31,6 % dân số toàn tỉnh và 25,2 % tổng số người Khmer tại Việt Nam), Kiên Giang (210.899 người, chiếm 12,5 % dân

số toàn tỉnh và 16,7 % tổng số người Khmer tại Việt Nam), An Giang (90.271 người), Bạc Liêu (70.667 người), Cà Mau (29.845 người), thành phố Hồ Chí Minh (24.268 người), Vĩnh Long (21.820 người), Cần Thơ (21.414 người), Hậu Giang (21.169 người), Bình Phước (15.578 người), Bình Dương (15.435 người). [17]

Qua khảo sát, nơi có mật độ người Khmer sống tập trung cao nhất là ở tỉnh Trà Vinh với các huyện: Trà Cú, Châu Thành, Tiểu Cần, Cầu Ngang, Cầu Kè, thị xã Trà Vinh; Sóc Trăng với các huyện: Vĩnh Châu, Mỹ Xuyên, Mỹ Tú, Long Phú, Thạnh Trị, thị xã Sóc Trăng; An Giang có các huyện: Tri Tôn, Tịnh Biên; Kiên Giang có các huyện: Gò Quao, Hòn Đất, An Biên, Kiên Lương, Châu Thành, Giồng Riềng; Bạc Liêu có các huyện: Vĩnh Lợi, Hồng Dân,

Giá Rai, thị xã Bạc Liêu... Đặc biệt, tỉnh Trà Vinh có tới 20 xã có đồng bằng bèo Khmer sinh sống chiếm tỷ lệ 50%; Sóc Trăng có huyện Vĩnh Châu có 78% đồng bằng Khmer, có 9 xã chiếm tỷ lệ 80% dân số là người Khmer [15].

Căn cứ vào điều kiện địa lý, môi sinh, lịch sử cư trú của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long, chúng ta có thể nhận thấy, người Khmer tập trung cư trú ở 3 vùng chính: vùng Trà Vinh và một phần Vĩnh Long; vùng ven biển Sóc Trăng và vùng biên giới Châu Đốc kéo dài đến Rạch Giá.

\* *Vùng nội địa Trà Vinh, Vĩnh Long:* Ở đây địa hình bị chia cắt bởi một hệ thống chằng chịt những sông rạch và kênh đào. Địa hình vùng này thấp, có những sông đất dọc theo bờ sông Tiền, sông Hậu và những gò đất chạy song song với bờ biển. Những gò đất này được người Khmer gọi là “phnô” (giồng). Đây là một trong những vùng cư trú cổ xưa nhất của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long được minh chứng bằng những chùa tháp được xây dựng từ khoảng 400 năm về trước, hiện còn bảo lưu đến nay. Khác với người Việt thường cư trú trên các bờ sông lớn và dọc các tuyến đường giao thông, thì người Khmer lại xây dựng Phum, Sóc của mình trên phần lớn các dải đất bồi cát dọc lộ giao thông, ven thị xã, thị trấn. Nghề nghiệp chủ yếu của người Khmer ở đây vẫn là nông nghiệp trồng lúa, cây ăn quả và hoa màu. Do điều kiện thuận lợi nên đời sống của người Khmer ở vùng này chênh lệch không nhiều so với người Việt.

\* *Vùng ven biển Sóc Trăng - Bạc Liêu:* được kéo dài từ Trà Vinh qua Sóc Trăng đến

Bạc Liêu, là vùng cư trú tập trung nhất của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long. Đây là vùng đất phần lớn bị ngập mặn, thường xuyên thiếu nước ngọt, sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn bởi những giồng cát nóng, do đó chỉ làm lúa một vụ. Đất đai ở đây ít màu mỡ, chỉ thuận lợi cho cuộc sống nghề biển, nhưng do thói quen làm nông nghiệp nên nghề đánh cá biển của người Khmer kém phát triển. Nhìn chung đời sống của người dân Khmer ở vùng này gặp rất nhiều khó khăn, đời sống tinh thần còn thấp. Trong những năm gần đây, Nhà nước và nhân dân đã hợp tác cùng làm thủy lợi, đắp đê ngăn mặn, làm bờ vùng bờ thửa, giữ nước ngọt, ruộng cấy từ một vụ tăng lên hai vụ, cuộc sống của người Khmer dần dần thay đổi theo chiều hướng tích cực. Đặc trưng nổi bật của vùng này là sự cư trú xen kẽ giữa người Khmer, Việt và Hoa dẫn đến sự hòa nhập một cách sâu sắc về văn hóa giữa các dân tộc, tạo nên yếu tố văn hóa chung của vùng.

\* *Vùng biên giới Tây Nam:* đây là vùng biên giới giáp với Campuchia, thuộc các tỉnh An Giang, Kiên Giang. Tại đây, các phum, sóc của người Khmer được xây dựng trên các gò, giồng, ven kênh, ven dãy Bảy Núi. Nghề nghiệp chủ yếu là đánh cá, săn bắn và làm nương rẫy. Do điều kiện địa lý giáp biên giới Campuchia nên người Khmer ở đây thường xuyên tiếp xúc với người Khmer Campuchia nên ít nhiều chịu ảnh hưởng, tuy nhiên họ vẫn giữ được những bản sắc riêng của nơi họ sinh sống.

*Về Kinh tế:* Cơ cấu hoạt động kinh tế của cư dân Khmer chủ yếu hiện nay vẫn tập trung

vào sản xuất nông nghiệp là chính, chiếm tới trên 72% so với các hoạt động khác, mức chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang các lĩnh vực khác còn chậm, chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu kinh tế cộng đồng. *Về văn hóa:* Ở đồng bằng sông Cửu Long, Người Khmer sống quần cư thành những cộng đồng nhỏ gọi là *phum*, *sóc* giống như làng, xóm của người Việt. Đây là một cách tổ chức xã hội rất đặc thù với tính ổn định và bình đẳng cao của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long. Sóc của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long không phải là đơn vị hành chính và tương đương với một huyện như sóc ở Campuchia. Qua đó có thể thấy cơ chế quản lý xã hội truyền thống Khmer là sự kết hợp giữa tổ chức tự quản của cộng đồng với sự tham gia của bộ máy quản lý của Phật giáo Tiểu thừa. *Về giáo dục:* Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, sự nghiệp giáo dục - đào tạo ở vùng người Khmer đồng bằng sông Cửu Long đã có nhiều biến chuyển mạnh mẽ về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên nhìn chung tỷ lệ đi học của người Khmer chưa cao. So sánh với các vùng khác, ta thấy các tỉnh có đông người Khmer có chỉ số phát triển giáo dục ngang với các tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên và thấp hơn chỉ số trung bình toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Từ sau ngày đất nước được hoàn toàn giải phóng, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến vấn đề dân tộc, tôn giáo trong đó có vấn đề dân tộc Khmer, để từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào. Trong mỗi thời kỳ lịch sử, Đảng ta đều có những chủ trương chính sách đúng đắn phù hợp với đồng

bào Khmer, không chỉ vận động tập hợp họ tham gia phong trào cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, mà còn luôn tôn trọng tự do tín ngưỡng của họ, bảo vệ chùa chiền và phong tục tập quán của người Khmer, xây dựng khối đoàn kết dân tộc, coi dân tộc Khmer là một dân tộc trong 54 dân tộc anh em... Từ ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước đến nay, Đảng ta đã kế thừa những định hướng đúng đắn trước đây tiếp tục đề ra những Chỉ thị, Nghị quyết đúng đắn để chỉ đạo cho công tác dân tộc, tôn giáo vùng đồng bào Khmer [18].

Những năm qua, cùng với những thành tựu chung của đồng bào các dân tộc trong cả nước dưới sự lãnh đạo của đảng và chính quyền các cấp, đồng bào Khmer đã phát huy truyền thống yêu nước, tự lực, tự cường, không ngừng phấn đấu vượt qua khó khăn, đạt được tiến bộ về nhiều mặt, góp phần xứng đáng vào thành tựu chung của sự nghiệp đổi mới đất nước. Từ khi Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VI) ban hành Chỉ thị 68-CT/TƯ ngày 18-4-1991 về công tác ở vùng đồng bào Khmer, đến nay, qua quá trình thực hiện, tình hình các vùng đã có những đổi thay quan trọng. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số nói riêng và đồng bào Khmer nói riêng được nâng cao hơn bao giờ hết. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, cùng với những thành tựu chung của đồng bào các dân tộc trong cả nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp, đồng bào Khmer đã phát huy truyền thống, không ngừng phấn đấu vượt qua khó khăn, đạt được tiến bộ về

nhieu mặt, góp phần xứng đáng vào thành tựu chung của sự nghiệp đổi mới đất nước.

## 2. NHỮNG VẤN ĐỀ “CẤP BÁCH” CỦA ĐỒNG BÀO NGƯỜI KHMER ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, cùng với những thành tựu chung của đồng bào các dân tộc trong cả nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp, đồng bào Khmer đã phát huy truyền thống, không ngừng phấn đấu vượt qua khó khăn, đạt được tiến bộ về nhiều mặt, góp phần xứng đáng vào thành tựu chung của sự nghiệp đổi mới đất nước. Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nhất là thực hiện Chỉ thị 68/CT-TU của Ban Bí thư Trung ương (khóa VI) “Về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khơ Me”, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đã triển khai thực hiện và đạt được những thành tựu cơ bản trên tất cả các lĩnh vực, qua đó nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào người Khmer đồng bằng sông Cửu Long ngày càng cao hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn nhiều vấn đề có tính chất “cấp thiết” đòi hỏi các cấp chính quyền trung ương và địa phương cần phải quan tâm đối với cộng đồng người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long. Trên thực tế, tình hình sản xuất cũng như đời sống của đồng bào người Khmer tuy đã chuyển biến mạnh nhưng chưa đều. Số hộ đói giảm mạnh, nhưng số hộ nghèo trong đồng bào còn khá đông. Tình trạng cầm cố, sang bán ruộng đất, bán lúa non, đi vay

nặng lãi... vẫn chưa được khắc phục v.v... Trong đó, nổi lên 3 vấn đề chính mang tính “cấp bách” của đồng bào Khmer đồng bằng sông Cửu Long trong quá trình đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

### 2.1. Vấn đề ruộng đất của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Là cư dân nông nghiệp, đối với người Khmer đất đai vốn là tài sản quý giá. Tuy nhiên, “vấn đề ruộng đất” luôn luôn là vấn đề nóng bỏng trong cộng đồng người Khmer đồng bằng sông Cửu Long. Sau ngày miền Nam giải phóng, từ năm 1976 đã có những cuộc bạo động, phản kháng của người Khmer do liên quan đến ruộng đất. Từ năm 1980 đến nay, hiện tượng tranh chấp ruộng đất kéo dài, thể hiện tính chất phức tạp và căng thẳng trong nội bộ nông dân nói chung và người Khmer nói riêng [19].

Trong những năm gần đây, do nghèo khổ và tác động của nền kinh tế thị trường, tình trạng sang bán, cầm cố đất trong cộng đồng người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long diễn ra phổ biến. Số hộ Khmer thiếu đất hoặc không đất canh tác chiếm tỷ lệ khá cao, và không đồng đều ở các địa phương. Ví dụ ở xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu, Sóc Trăng trong năm 2002 toàn xã có 3.485 hộ, trong đó có tới 1.129 hộ thiếu đất hoặc không có đất sản xuất, chiếm 32,12%. Con số điều tra ở vùng ngập mặn cho thấy có tới 58% hộ người Khmer không có đất để canh tác [6].

Việc chuyển nhượng, cầm, bán đất đai cũng là một thực trạng nghiêm trọng mang chiều hướng xấu ở vùng người Khmer. Số bình

quân ruộng đất ở mỗi hộ Khmer đã ít (chỉ khoảng 0,5ha đến 1ha) nhưng phần lớn họ vẫn không giữ được trọn vẹn mà thường cầm cố, bán bớt hoặc bán tất cả số ruộng của mình. Có nhiều hộ từ chỗ được cấp đất đến chỗ trắng tay, hoặc chỉ còn vài công đất ít ỏi không đủ để sản xuất nuôi sống gia đình. Nguyên nhân của việc sang bán, cầm cố đất sản xuất ở nông dân Khmer phần lớn do hoàn cảnh nghèo khó bức bách. Khi trong gia đình có biến cố cần sử dụng tiền, thì tài sản sản xuất duy nhất mà họ có là ruộng đất, họ đành đem cầm, bán bớt. Chính quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã khiến hiện tượng chênh lệch về sở hữu ruộng đất tăng nhanh ở vùng nông thôn. Nhiều người làm giàu nhờ có vốn sản xuất, tích tụ ruộng đất và phát canh thu tô, cho vay nặng lãi.

Ngoài nguyên nhân sang nhượng, cầm cố, việc mất đất của người Khmer còn do nhiều nguyên nhân khác làm đẩy lên việc tranh chấp và khiếu kiện đất đai ở một số vùng đồng bào Khmer, đặc biệt nóng bỏng ở hai huyện biên giới Tri Tôn và Tịnh Biên của tỉnh An Giang. Nguyên nhân chính là do trong thời gian chiến tranh biên giới Tây Nam 1978-1979, nhiều người nông dân Khmer phải bỏ ruộng vườn, sơ tán đến các tỉnh khác, khi tình hình ổn định, họ trở về nhưng đất đai của họ đã bị chiếm dụng. Trường hợp 5 xã của huyện Tri Tôn: An Tức, Lương Phi, Châu Lăng và Núi Tô trong năm 2001 đã tiếp nhận 3.044 đơn khiếu kiện về đất đai của người Khmer. Trong đó, 1.430 đơn đòi lại đất cũ, 304 đơn khiếu nại các công trình đào kênh thủy lợi của Nhà nước đã lấy mất đất của họ. Riêng tại xã Cô Tô trong năm 2001 đã tiếp

nhận 22 đơn khiếu nại của người Khmer về vấn đề đền bù đất [2].

Trước tình hình này, các địa phương đã có những giải pháp kịp thời như mua lại đất của chủ sở hữu mới để cấp đất cho người Khmer; cho người Khmer vay tiền để cuộc lại đất..., qua đó cơ bản giải quyết được các đơn kiện, tạo điều kiện cho họ có đất để sản xuất, ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều trường hợp tiêu cực của chính quyền địa phương trong việc giải quyết vấn đề tranh chấp ruộng đất, hoặc có những biểu hiện thiếu thầu đáo, thiếu tinh lý mà nặng về biện pháp hành chính, hay quá bất lực trước sự lộng hành của một số hộ... khiến các hộ nông dân không hài lòng. Cũng có nhiều trường hợp tranh chấp đất đai đã được giải quyết nhưng do không có sự thống nhất trong cách giải quyết giữa các địa phương mà tùy sự vận dụng riêng lẻ ở từng nơi nên đơn khiếu tố của dân cứ tiếp tục gửi đến, gây tình trạng bất ổn định trong việc sản xuất [20].

Tính chất những vụ tranh chấp ruộng đất này khá nghiêm trọng phức tạp vì nó dẫn đến sự xô xát, bạo lực giữa những người trong dân tộc với nhau, giữa người Khmer với các dân tộc khác (chủ yếu là người Việt); giữa người cùng dân tộc với nhau v.v... gây ra tình trạng mất an ninh, căng thẳng ở các địa phương. Nơi vùng đồng bào Khmer, việc tranh chấp ruộng đất còn mang thêm yếu tố phức tạp hơn, *đó là vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc*. Các thế lực phản cách mạng lợi dụng tình hình tranh chấp đất đai ở vùng Khmer để tổ chức kích động, gây chi rẽ nội bộ và khối đoàn kết dân tộc[11].

Có thể nói, vấn đề tranh chấp ruộng đất, chuyển nhượng quyền sở hữu ruộng đất hiện nay trong nông dân Khmer là một vấn đề lớn, nghiêm trọng. Nếu không nghiên cứu, phân tích và có biện pháp và sách lược và chiến lược để cứu vãn, ổn định thì chẳng mấy chốc hầu hết nông dân Khmer sẽ trắng tay không còn đất, do sự thiệt thòi và do cuộc sống nghèo khổ, bế tắc đưa đến. Lúc đó tình hình sẽ trở nên đen tối, dễ có nguy cơ dẫn đến vấn đề xung đột dân tộc.

## 2.2. Vấn đề đói nghèo của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long.

So với người Việt và người Hoa thì đời sống của người Khmer khó khăn nhất. Chi tính riêng trong cộng đồng người Khmer tại các huyện ở tỉnh Sóc Trăng trong năm 2001 thì tỉ lệ hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao từ 42,92% so với 26,61% của người Việt và 18,12% của người Hoa, còn hộ khá giả cũng rất thấp chỉ có 10,82%, so với người Việt là 19,77%, còn người Hoa là 30,76%. Qua các số liệu điều tra thu thập tại tỉnh Sóc Trăng, một trong những tỉnh có đông người Khmer sinh sống, ta thấy tỷ lệ thiếu ăn và đói ở hộ Khmer khá cao, còn tỷ lệ hộ Khmer đủ ăn cũng quá thấp, đến mức như ấp Tung Thông, huyện Thạnh Trị chưa được 1% so với tổng số chung trong ấp, nơi mà dân Khmer chiếm trên 92% [21].

Qua phân tích bằng số liệu cụ thể về đời sống vật chất của người Khmer ở từng huyện (Mỹ Tú, Vĩnh Châu, Mỹ Xuyên, Long Phú, Thạnh Trị) của tỉnh Sóc Trăng – tỉnh có dân số Khmer đông nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long – ta thấy hoàn toàn phù hợp với bảng tổng hợp chung của toàn tỉnh. Tỷ lệ người Khmer có đời

sống thiếu thốn, nghèo khổ quá cao (từ 60% đến trên 70% so với dân số chung). Đặc biệt, quan thực tế điều tra, những xã, huyện nào có đông người Khmer thì nơi đó tỷ lệ hộ nghèo cao hơn. Điển hình là hai huyện Vĩnh Châu và Mỹ Tú là huyện có đông người Khmer sinh sống thì đây cũng là hai huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất tỉnh Sóc Trăng (Vĩnh Châu có 44,10% hộ nghèo/52,09% dân số người Khmer, Mỹ Tú có 36,38% hộ nghèo/36.955 dân số người Khmer).

Đối chiếu với các vấn đề được nghiên cứu như việc chuyển nhượng, sang bán, cầm cố ruộng đất, vấn đề phân hóa xã hội, tệ nạn xã hội, y tế, vấn đề sản xuất lúa và hoa màu, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp... của người Khmer, càng thấy rõ các vấn đề trên vừa là nguyên nhân vừa là hậu quả của bức tranh toàn cảnh về đời sống vật chất của người Khmer. Trong đó, việc vay mượn tiền để sản xuất hoặc để chi dùng vừa là nguyên nhân vừa là hậu quả của nạn thiếu ăn, nghèo khổ ở người Khmer. Người nông dân nghèo ít khi dư dả để tích lũy vốn làm mùa vụ họ thường phải vay để khi thu hoạch xong sẽ trả cả vốn lẫn lời. Việc “ăn trước trả sau” khi vay hầu như kéo dài triền miên trong cuộc đời người nông dân nghèo. Đặc biệt, người Khmer ở các vùng nông thôn có mức sống rất thấp. Theo số liệu điều tra năm 2007, có 15.985 hộ ở nông thôn có thu nhập bình quân đầu người từ 70.000 đồng trở xuống, đa số là hộ người Khmer [22].

Dù họ lao động cật lực nhưng thành quả lao động rất bấp bênh, không ổn định và không đủ bù đắp cho nhu cầu cuộc sống. Nếu được

mùa, người nông dân có thể trả nợ cũ rồi vay nợ mới để sản xuất. Nhưng nếu thất mùa thì nợ nần chồng chất ngay. Lúc đó việc vay và trả nợ càng trở nên khó khăn, nặng nề; nhất là khi tiền lãi sinh sôi khiến nợ nần chồng chất, người Khmer phải sang bán, cầm cố ruộng đất một phần hoặc toàn bộ để trả nợ rồi đi làm thuê. Vấn đề làm ruộng đất rất nặng, đó là chưa kể có lúc giá phân bón tăng cao, đất đỏ, công sức lao động bỏ ra cũng rất nhiều, vậy mà giá lúa lại thấp khiến khi bán được lúa, trả nợ xong thì chẳng còn dư được bao nhiêu để chi tiêu trong cuộc sống, nên họ lại tiếp tục vay nợ. Khi nào lúa thất mùa thì họ càng khốn quẫn hơn vì nợ, đó là cái vòng luẩn quẩn không giải quyết được.

Người Khmer nghèo phần lớn không thể vay được ở ngân hàng vì họ không có tài sản thế chấp, do đó họ phải vay ở ngoài. Đây là một trong những nguyên nhân làm phân hoá xã hội ở nông thôn gay gắt: hộ giàu tiếp tục có cơ hội giàu thêm; hộ nghèo thì quanh năm suốt tháng làm thuê bị bóc lột với tiền công rẻ mạt và trả lãi nợ quá cao nên ngày càng nghèo thêm, đến lúc phải bán hết ruộng đất. Những năm gần đây do chủ trương của Nhà nước, Ngân hàng Phát triển nông nghiệp cho vay vốn và chú trọng hơn cho nông dân Khmer.

Các tổ chức chính trị – xã hội như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Ủy ban Mặt trận tổ quốc của huyện, Ban Quản trị chùa Khmer, Hội đoàn người Hoa... cũng đã huy động nhiều nguồn lực trong và ngoài nước để hỗ trợ vốn cho hộ nghèo nói chung và hộ nghèo trong mỗi tổ chức ấy nói

riêng qua việc thực hiện các chương trình, dự án nhỏ đầu tư xóa đói giảm nghèo (điển hình là trường hợp huyện Vĩnh Châu - Sóc Trăng).

Từ thực trạng nền kinh tế và đời sống vật chất của đồng bào Khmer đồng bằng sông Cửu Long hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi phải tiếp tục giải quyết, ngoài việc đầu tư nguồn vốn cũng cần phải khơi dậy ý thức tự lập, tự cường của đồng bào Khmer, giúp đỡ họ xây dựng cuộc sống mới, góp phần kiến tạo bộ mặt nông thôn vùng dân tộc Khmer ngày càng đổi mới, nâng cao mức sống của họ để từng bước giảm bớt khoảng cách giàu nghèo giữa các dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long.

### **2.3. Mối quan hệ giữa người Khmer và các tộc người khác ở đồng bằng sông Cửu Long.**

Điểm qua công cuộc khai phá đồng bằng sông Cửu Long ta thấy có công lao của người Khmer, nhưng bên cạnh đó, còn có công lao của người Hoa và người Việt và vai trò của các triều đại phong kiến Việt Nam với quy mô chinh phục rộng lớn, mạnh mẽ. Cũng như người Khmer và người Hoa, người Việt chạy loạn, tránh chiến tranh, bóc lột của các thế lực phong kiến... đã tới đồng bằng sông Cửu Long lập nghiệp, khai khẩn đất hoang từ rất sớm. Họ cùng với người Khmer lao động đẩy lùi rừng hoang, đầm lầy, chinh phục đất bồi ven biển... để ổn định cuộc sống mới. Đặc biệt khi nhà Nguyễn thực thi chính sách mở rộng bờ cõi xuống phía Nam thì làn sóng người Việt di chuyển đến đồng bằng sông Cửu Long ngày càng nhiều.

Thực tế, dân tộc Khmer là dân tộc có mặt sớm ở đồng bằng sông Cửu Long, song số

lượng không nhiều, đa số là dân nghèo, trình độ kỹ thuật thấp nên họ chỉ cư trú trên những phần đất nhỏ hẹp, rải hẹp ở khu vực đồng bằng. So với người Khmer thì người Việt đến sau, nhưng có số lượng đông, là lực lượng chính khai phá, chinh phục đồng bằng sông Cửu Long một cách mạnh mẽ, liên tục, có quy mô, có tổ chức bởi Nhà nước phong kiến Việt Nam lúc bấy giờ. Và trên mảnh đất đồng bằng sông Cửu Long từ trong lịch sử, đã bắt đầu hình thành sự cộng cư của các dân tộc như Việt, Hoa, Khmer, Chăm... Tất cả các dân tộc ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đã cùng chung lưng đấu cật khai phá, xây dựng và bảo vệ vùng đất này, biến vùng đất này trở thành một vùng đất thuộc lãnh thổ Việt Nam. Trong đó, đóng vai trò quan trọng nhất trong việc khai phá, xây dựng và bảo vệ vùng đất này là người Việt. Với truyền thống cố kết cộng đồng, duy trì và phát triển nòi giống mạnh mẽ, kinh nghiệm sản xuất phong phú, người Việt tỏ ra thích nghi với môi trường đất đai hơn các dân tộc khác. Họ trở thành bộ phận dân cư chủ yếu trong thành phần dân cư ở đây cùng với các dân thiểu số khác tạo thành một cộng đồng các dân tộc anh em trên vùng đất đồng bằng sông Cửu Long [5].

Cùng cộng cư với các dân tộc khác ở trong vùng, trên cơ sở những đặc trưng văn hóa truyền thống đã định hình và phát triển, người Khmer đã có quá trình tiếp xúc, giao lưu mạnh mẽ với người Việt, Hoa, Chăm để hình thành nên một cộng đồng người Khmer đồng bằng sông Cửu Long khác với người Khmer ở Campuchia. Có thể nói, nhân tố quan trọng

nhất tác động tiến trình này đó là sự giao lưu, hòa hợp với người Việt, là dân tộc chủ thể, mà trước hết là sự hòa hợp giữa những người cùng chung sức khai phá đồng bằng sông Cửu Long, biến vùng đất hoang vu, sinh lầy thành đồng bằng tươi tốt, trù phú. Trong quá trình ấy, người Việt và người Khmer cùng chịu chung sự thống trị và bóc lột của giai cấp phong kiến, nhưng giữa người Việt và người Khmer, luôn luôn là những người láng giềng gần gũi, tương trợ và đùm bọc lẫn nhau [14].

Trong lịch sử, giữa họ chưa bao giờ xảy ra những cuộc tranh chấp, xung đột mang tính chất là xung đột dân tộc. Trong quá trình cộng cư đó, người Khmer đã tiếp nhận khá nhiều yếu tố văn hóa của người Việt, bổ sung vào nền văn hóa truyền thống của mình như nhà ở, cách ăn mặc, nếp sống, lễ nghi và thờ cúng, kể cả thờ cúng tổ tiên. Phần lớn người Khmer đều nói được tiếng Việt. Bên cạnh đó, nhiều cuộc hôn nhân giữa người Việt và người Khmer diễn ra thường xuyên. Trong mối quan hệ đó, không chỉ người Khmer tiếp nhận những ảnh hưởng của người Việt, mà ngược lại người Việt cũng tiếp nhận những ảnh hưởng văn hóa Khmer, kể cả sự hòa nhập dòng máu Việt – Khmer [8].

Từ nhiều thế kỷ nay, cùng chung sống xen cài với người Việt, Hoa, dân số người Khmer tăng trưởng cùng với sự tăng trưởng dân số của người Hoa và người Việt, tuy tỷ lệ tăng của người Khmer có thấp hơn, vì người Khmer sự tăng trưởng chủ yếu là tăng tự nhiên, còn người Hoa và người Việt, ngoài tăng tự nhiên còn do di dân. Sống chung với người Việt và các dân tộc khác trong lãnh thổ Việt Nam, xu hướng



phát triển tộc người của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long trong mấy thế kỷ nay là trên cơ sở những đặc trưng văn hóa truyền thống đã định hình và phát triển cao của mình, người Khmer đã sự giao lưu mạnh mẽ với người Việt, Hoa, Chăm và hình thành nên cộng đồng người Khmer đồng bằng sông Cửu Long hoàn toàn khác với người Khmer ở Campuchia [5].

Hiện nay, vấn đề quan hệ giữa người Khmer với các tộc người khác, chủ yếu là người Việt ở đồng bằng sông Cửu Long diễn ra hết sức phức tạp. Các thế lực phản động vẫn luôn tìm mọi cách lợi dụng các vấn đề tranh chấp đất đai, vấn đề biên giới lãnh thổ ở đồng bằng sông Cửu Long để kích động người Khmer chống lại nhà nước Việt Nam, thúc đẩy xu hướng ly khai, tự trị trong vùng đồng bào Khmer. Điều này làm cho quan hệ giữa người Khmer với các dân tộc khác ở đồng bằng sông Cửu Long, chủ yếu là người Việt có khả năng ngày càng xấu đi. Vì vậy, đấu tranh chống âm mưu thủ đoạn của các thế lực phản động đối với “vấn đề người Khmer” ở đồng bằng sông Cửu Long, cần phải xem xét một cách toàn diện trong mối quan hệ giữa bên trong và bên ngoài, giữa quá khứ và hiện tại, để có chủ trương biện pháp đúng đắn, phù hợp ngay từ đầu, kịp thời ngăn chặn và vô hóa các hoạt động của địch, tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng Việt Nam ngày một phát triển vững chắc.

### **3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ “CẤP BÁCH” CỦA NGƯỜI KHMER ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

Để thiết thực vào việc giải quyết tốt vấn đề dân tộc và an ninh quốc gia tại vùng biên giới phía Tây Nam Tổ quốc hiện nay, chúng ta cần giải quyết kịp thời một số vấn đề thực tiễn “cấp bách” của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long, cụ thể như sau:

*\* Từ những bài học kinh nghiệm đã qua, phải tiếp tục giải quyết tốt về Vấn đề ruộng đất, để sớm chấm dứt tình trạng tranh chấp ruộng đất giữa người Khmer và người Việt, theo hướng ưu tiên cho vấn đề dân tộc, nhất là việc củng cố, tăng cường đoàn kết, tương trợ và tôn trọng lẫn nhau giữa cộng đồng người Việt và cộng đồng người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long.*

Giúp người Khmer giải quyết tình trạng ruộng đất là vấn đề cấp bách. Bởi vì, cho đến hiện nay có đến 80% người Khmer sống bằng nông nghiệp. Theo chúng tôi, vấn đề thiếu đất và không đất sản xuất ở người Khmer chỉ mang tính cấp bách ở một số địa phương, nếu ở đó nổi lên vấn đề tranh chấp, gây chia rẽ, mất ổn định nhất là có thể làm nảy sinh vấn đề xung đột giữa các dân tộc. Riêng về vấn đề thiếu đất ở, không có đất ở cần được xem là vấn đề cấp bách và có chiến lược giải quyết lâu dài. Ở những nơi có đông đồng bào Khmer có thể qui hoạch và dành một quỹ đất công làm đất ở để cấp hoặc bán trả chậm, bán với giá hỗ trợ cho những hộ Khmer nghèo không có đất ở. Chủ trương của nhiều tỉnh có đông đồng bào Khmer ở ĐBSCL là giúp người Khmer chuộc lại ruộng đất bị cầm cố cũng đã được tiến hành trong những năm qua và đó là một nỗ lực rất lớn đồng thời cũng củng cố được sự tin tưởng vào

chủ trương và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đối với người Khmer.

Cần tránh tình trạng có nhiều chính sách về đất đai làm xáo canh liên tục như thời gian qua khiến việc sản xuất và quyền sở hữu mất ổn định. Nên tập trung giải quyết dứt điểm, hợp lý các trường hợp tranh chấp ruộng đất và giải quyết các đơn khiếu tố, khiếu nại kéo dài trong thời gian qua. Vì đây là vấn đề dẫn đến tình hình mất an ninh, mất ổn định và mất đoàn kết trong quan hệ thân tộc, dân tộc, xóm làng ở vùng nông thôn, gây nên hậu quả xấu.

Khuyến khích các hình thức kinh tế hợp tác giữa những hộ có đất với những hộ (hay người) đầu tư có vốn, có trình độ kỹ thuật, hợp tác giữa hợp tác xã với các nhà doanh nghiệp trong nuôi trồng thủy sản cần được khuyến khích, nhằm hạn chế tình trạng bán đất hoặc cho thuê mướn đất đang diễn ra khá phổ biến trong đồng bào người Khmer.

Nhà nước có thể cấp giấy chứng nhận và giao quyền sử dụng ruộng đất trong khoảng thời gian dài cho nông dân Khmer để họ yên tâm sản xuất; giải quyết rốt ráo vấn đề ruộng đất trong đồng bào người Khmer.

*\* Cần chú trọng việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tìm cách phổ biến và đưa nhanh khoa học kỹ thuật nông nghiệp đến với nông dân Khmer đồng bằng sông Cửu Long; đồng thời mở các trung tâm dạy nghề và phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, công nghiệp chế biến nông-thủy- hải sản nhằm giải quyết việc làm cho số lao động nhà rỗi của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long, góp phần thiết thực vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời*

*sống người Khmer tại địa phương.*

Xây dựng kế hoạch ổn định, đổi mới cơ cấu kinh tế và phát triển vùng đồng bào dân tộc Khmer ở ĐBSCL trong qui hoạch chung của cả nước và ĐBSCL. Các cấp, các ngành, các địa phương có đồng bào dân tộc Khmer phải chú ý cân đối vốn, vật tư... tạo điều kiện cho đồng bào tiếp tục đổi mới cơ cấu kinh tế cho phù hợp với thể mạnh theo hướng phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, phá thế độc canh cây lúa, mở rộng ngành nghề mới, tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, như: thủy lợi, nước sinh hoạt, đường giao thông, điện... ở những nơi chưa có, chú ý vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng; xây dựng trung tâm cụm xã, xã biên giới, giúp đỡ các xã nghèo. Nhà nước cần đẩy mạnh công tác khuyến nông, giới thiệu những kiến thức, kỹ thuật công nghệ nông học - nông nghiệp cho nông dân nói chung và nông dân người Khmer nói riêng.

Kiến nghị với ngân hàng nông nghiệp, ngân hàng người nghèo, cùng với chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện bàn bạc và định ra cách cho vay đối với người nông dân Khmer đồng bằng sông Cửu Long sao cho phù hợp với đặc thù của họ, nhằm bảo đảm cho đồng bào Khmer có vốn đầu tư vào sản xuất để cải thiện đời sống, góp phần xóa đói giảm nghèo. Đối với hộ nông dân nghèo không có tài sản thế chấp, thì cần có các tổ chức như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ v.v... bảo lãnh để được vay vốn sản xuất và giải quyết việc làm cho bản con dân tộc Khmer. Chính quyền các cấp tại địa phương có đồng bào Khmer cần kết hợp huy động các nguồn vốn đối với nông hộ Khmer nghèo,

để những nông hộ này có nguồn vốn vay khá hơn, đầu tư vào sản xuất nông nghiệp và giải quyết việc làm cho số lao động nhàn rỗi người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long.

Để khuyến khích nông nghiệp và nếu xem sản xuất lúa gạo là vấn đề kinh tế chiến lược của đất nước thì Nhà nước cần có chính sách kịp thời, đồng bộ và hợp lý để hỗ trợ giá sản phẩm nông nghiệp; cần điều chỉnh lại giá lúa cho hợp lý và trả nó lại với giá trị thực sự của nó. Việc nghiên cứu và định lại giá cả lúa gạo và các hàng nông sản là vấn đề quan trọng, quyết định sự tồn tại, phát triển nông nghiệp hay ngược lại. Nhà nước cần có chính sách đầu tư, điều chỉnh giá nông phẩm cho hợp lý, công bằng để khuyến khích, thúc đẩy sản xuất.

*\* Vấn đề đầu tư cơ bản ở vùng nông thôn, đặc biệt là các vùng có đông đồng bào Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long cần được chú trọng.*

Sự nghèo khổ, khó khăn trong cuộc sống và sản xuất đều bắt nguồn từ cơ sở vật chất, điều kiện xây dựng cơ bản quá thiếu thốn. Trước mắt, muốn thay đổi bộ mặt của vùng nông thôn sâu, mở đầu cho việc phát triển kinh tế – văn hóa – xã hội thì việc đầu tư xây dựng cơ bản cho vùng nông thôn vùng sâu cần được quan tâm thực hiện, cụ thể cần nhất là các lĩnh vực sau: nước ngọt để tiêu dùng và sản xuất, xây dựng và cải tạo công trình thủy lợi nhỏ, đường giao thông, trường học...

Đề nghị đẩy mạnh tiến độ thực hiện các cây nước ngọt (lấy từ mạch nước ngầm), ưu tiên cho các xã nghèo, vùng sâu, điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt. Để việc thực hiện cây

nước đưa lại hiệu quả thiết thực tránh lãng phí tiền của Nhà nước, đề nghị kiểm tra và nghiệm thu chu đáo, khi nào giếng cho nước ngọt, có thể sử dụng được thì mới trả tiền cho bên thi công.

Bên cạnh đó, Nhà nước nên khẩn trương thực hiện những công trình thủy lợi nhỏ ở dạng kênh mương cũ để dẫn nước ngọt tưới tiêu phục vụ cho sản xuất. Bên cạnh việc mở kênh mương mới, nạo vét kênh mương cũ, đề nghị Nhà nước thi công đắp các tuyến đê ngăn mặn dọc theo sông (ví dụ tuyến đê dọc sông Mỹ Thanh) ngoài ra cần kịp thời nhanh chóng giải tỏa và cải tạo lại bờ bao ở nông trường nuôi tôm ở ven biển để tránh tình trạng nước biển xâm thực làm nhiễm mặn đất canh tác và các giếng nước ngọt ở vùng này.

Đường giao thông nhỏ liên ấp, liên xã và từ các xã vùng sâu đến huyện bước đầu cần được ưu tiên và nhanh chóng xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nếu muốn việc sản xuất và đời sống người dân được cải thiện. Đường giao thông có tốt thì việc chuyên chở lương thực, thực phẩm sẽ dễ dàng, giảm chi phí và giá thành; đời sống vật chất và tinh thần của người dân vùng nông thôn sẽ được thay đổi theo chiều hướng tích cực.

*\* Tăng cường công tác giáo dục, đào tạo; giảng dạy và sử dụng rộng rãi song ngữ, nhằm góp phần nâng cao mặt bằng dân trí ở vùng đông đồng bào dân tộc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

Một trong những nhiệm vụ cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong

những năm trước mắt là: “phải đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn”. Trong quá trình này, một nhiệm vụ quan trọng không thể bỏ qua, đó là việc nâng cao trình độ dân trí ở các vùng nông thôn. Bởi vì, trình độ dân trí cao sẽ là nền tảng tri thức chung cho nông dân có thể nhanh chóng tiếp thu khoa học kỹ thuật nông nghiệp và áp dụng rộng rãi hơn nữa vào trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy – hải sản đạt năng suất chất lượng cao, tạo nguồn thu cho nông dân sở tại. Với ý nghĩa to lớn đó, Đảng ta xác định: “Giáo dục và đào tạo phải trở thành quốc sách hàng đầu”.

Do đó, đầu tư cho văn hóa, giáo dục và đào tạo để nâng cao dân trí cho đồng bào dân tộc Khmer là con đường đầu tư đúng đắn, nhằm giúp đồng bào Khmer rút ngắn thời gian xóa đói giảm nghèo, tăng nhanh tỷ lệ nông hộ khá và giàu người Khmer sở tại. Cụ thể là miễn học phí ở tất cả các cấp học, cấp sách giáo khoa cho học sinh phổ thông và học bổng đối với học sinh, sinh viên các trường trung học chuyên nghiệp và cao đẳng đại học. Thực hiện tốt công tác xóa mù và phổ cập giáo dục trong vùng đồng bào Khmer. Có chính sách khuyến khích những người tham gia biên soạn và giảng dạy chữ Khmer; đầu tư thích đáng cho giáo dục vùng đồng bào dân tộc Khmer ở ĐBSCL. Đồng thời vẫn duy trì và tăng cường hơn nữa chính sách cử tuyển và mở các khoa dự bị đại học tại các trường đại học ở đồng bằng sông Cửu Long và TP. Hồ Chí Minh.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có sự chỉ đạo thống nhất và triệt để về việc dạy chữ Khmer

trong các trường tiểu học, tiến tới bậc trung học cơ sở cho học sinh người Khmer Nam Bộ nói chung và học sinh Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long nói riêng, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn sinh hoạt ngôn ngữ của họ. Có thể nói, phát triển việc giảng dạy và sử dụng rộng rãi hình thức song ngữ tiếng Việt và tiếng Khmer ở vùng đồng bào người Khmer đồng bằng sông Cửu Long là phù hợp với quy luật về quan hệ ngôn ngữ và phát triển ngôn ngữ của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long trong quá trình đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây là công việc đòi hỏi sự đầu tư liên tục và tập trung cao, đưa hoạt động giáo dục vào nghị quyết của các cấp để thực hiện và kiểm tra.

*\* Tăng cường công tác dân tộc và tôn giáo tại các tỉnh, huyện và xã, ấp vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống, nhằm thực hiện tốt chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, qua đó huy động được phong trào quần chúng bảo vệ Tổ quốc trong đồng bào người Khmer.*

Vấn đề người Khmer đồng bằng sông Cửu Long vừa là vấn đề dân tộc, vừa là vấn đề tôn giáo, có liên quan đến quốc phòng, an ninh trên tuyến biên giới phía Tây Nam giáp với Campuchia. Trong đó, Phật giáo tiểu thừa có ảnh hưởng bao trùm lên toàn bộ đời sống của cư dân Khmer. Đó là một tôn giáo mang tính quần chúng, nó không đơn thuần là thần luận, mà chủ yếu là thứ đạo đức luận, luôn mong muốn được “tốt đạo – tốt đời” có vai trò trong việc đào tạo con em người Khmer thành những người có trí thức và đức hạnh. Tôn giáo và bản

sắc dân tộc ở người Khmer được gắn chặt, quyện vào nhau.

Do đó cần giải quyết các mối quan hệ giữa nhà chùa với các thiết chế khác trong xã hội Khmer ở ĐBSCL. Cần đa dạng hóa các hình thức tập hợp quần chúng, song phải bảo đảm sự thống nhất lực lượng không những trong từng địa phương, từng dân tộc, mà còn trong phạm vi cả nước. Giáo dục, vận động sư sãi và đồng bào Phật tử dân tộc Khmer chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, phát huy vai trò chức năng của chùa chiền, phong tục tập quán và lễ hội dân tộc Khmer.

Để tăng cường hiệu quả của công tác dân tộc, tôn giáo ở vùng đồng bào Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long, cần phải nâng cao vai trò của các Ban Dân tộc, Ban Tôn giáo ở các tỉnh, địa phương. Cán bộ chuyên trách của các cơ quan này ngoài tiêu chí chung của cán bộ, công chức của Nhà nước ta, họ cần được trang bị thêm về những hiểu biết thiết yếu khác như: ngôn ngữ Khmer, phong tục tập quán, tâm lý dân tộc, tâm lý tôn giáo và hiểu biết nhất định về đạo Phật Tiểu thừa. Đó là những hiểu biết không thể thiếu của người cán bộ làm công tác dân tộc và tôn giáo ở vùng người Khmer đồng bằng sông Cửu Long. Đội ngũ cán bộ này có thể tham gia làm giáo viên giảng dạy trong hệ thống chương trình tiểu học, trung học, cán bộ văn hóa-văn nghệ nhất là cán bộ đoàn thể quần chúng ở cấp tỉnh, huyện nhất là các xã, ấp nhằm thường xuyên có mặt ở cơ sở, để thâm nhập thực tế, nắm bắt nhanh dư luận quần chúng, nhất là những đột biến để xử lý kịp thời,

tránh những bất ngờ như tranh chấp, xô xát về các vấn đề ruộng đất, dân tộc giữa người Việt và người Khmer.

*\* Vấn đề đào tạo cán bộ và xây dựng lực lượng chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cộng đồng Khmer đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là các tỉnh, huyện và các xã, ấp Khmer nằm ven tuyến biên giới Tây Nam giáp với biên giới Campuchia là một việc làm rất cấp thiết.*

Ở người Khmer đồng bằng sông Cửu Long cũng như các dân tộc khác, tầng lớp trí thức luôn được coi là bộ phận đại biểu cho văn hóa và truyền thống chân chính của dân tộc mình. Họ là cầu nối giữa xã hội tộc người và các xã hội chung quanh. Trong xã hội Khmer thường quan niệm đội ngũ trí thức gồm hai loại: trí thức tôn giáo và trí thức của xã hội Việt Nam đào tạo. Thực tế số trí thức tôn giáo có số lượng đông như ng điều kiện để học lên cao có nhiều hạn chế nên trình độ không cao. Số trí thức do xã hội đào tạo ra, hay nói cách khác có trình độ từ Cao đẳng trở lên trong xã hội Khmer có tỷ lệ rất thấp, thấp hơn cả mức trung bình của các dân tộc thiểu số ở nước ta, dù rằng người Khmer sinh sống chủ yếu ở đồng bằng. Trong đó có một số thiếu am hiểu thực tiễn, nên không phát huy được vai trò trong quản lý đồng bào Khmer. Do đó vấn đề đào tạo một tầng lớp trí thức mới vừa có trình độ cao, vừa am hiểu thực tế, gần gũi nhân dân được nhân dân thừa nhận cho vùng đồng bào Khmer đồng bằng sông Cửu Long là hết sức cấp bách. Việc này có liên quan đến chính sách giáo dục, đặc biệt là các giải pháp đào tạo có trọng tâm, trọng

điểm.

Điều đó đòi hỏi phải có kế hoạch quy hoạch đào tạo cán bộ, xây dựng động lực chính trị, nòng cốt của đảng ta trong vùng đồng bào dân tộc Khmer và phải thực hiện nay từ bây giờ thì mới có cơ may ngăn chặn sự tụt hậu và suy thoái, tạo ra động lực mới cho sự phát triển. Đội ngũ Đảng viên có lập trường tư tưởng vững vàng, có lòng tin vào sự nghiệp cuộc sống mới do Đảng ta lãnh đạo, có trình độ và nhiệt tình cách mạng, được quần chúng và nhân dân thừa nhận và tin tưởng là một động lực cho sự phát triển toàn diện của xã hội tộc người Khmer đồng bằng sông Cửu Long.

Vì vậy, trước mắt cần tập trung đẩy mạnh đào tạo và cơ cấu bố trí sử dụng cán bộ, trí thức người Khmer, sao cho phù hợp với thực tế của từng ban, ngành và từng địa phương có đồng

đồng bào Khmer sinh sống. Cần có chế độ ưu đãi để thu hút ngày càng đông đảo hơn đội ngũ cán bộ người Khmer tham gia công tác, nhất là ở các phum, sóc tại các tỉnh nằm dọc tuyến biên giới Tây Nam. Trong đó, cần thực hiện tốt hơn nữa chế độ cử tuyển và đào tạo cán bộ người Khmer ngay từ trong các trường phổ thông Dân tộc nội trú tại các huyện ở đồng bằng sông Cửu Long. Nhà nước cũng cần có chế độ trợ cấp toàn phần về kinh phí cho cán bộ là dân tộc người Khmer được cử đi đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn.

Tại các xã có đồng đồng bào Khmer sinh sống, cùng với việc tập trung củng cố Mặt trận Tổ quốc các cấp, cần phải đổi mới tổ chức và hoạt động của các đoàn thể quần chúng, cần một bộ phận đặc trách về công tác dân tộc và công tác tôn giáo ở vùng đồng bào người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long.

## SOME URGENT ISSUES DURING THE INDUSTRIALIZATION AND ODERNIZATION PROCESS OF THE KHMER ETHNIC GROUPS AT THE MEKONG DELTA OF VIETNAM

Vo Van Sen <sup>(1)</sup>, Tran Nam Tien <sup>(2)</sup>

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM  
VNU-HCM

*ABSTRACTS: Khmer is an ethnic group among the community of 54 Vietnamese ethnic groups coexisting in Vietnam which mainly appears in the Mekong Delta. Since 1975, together with many major initiatives of the country under the leading role of the Vietnam Communist Party and different levels of government, Khmer ethnic has promoted the traditions of great effort to overcome difficulties, obtained the successes in many fields, and greatly contributed to the Doi moi career of the country. Despite the great changes in terms of manufacturing as well as living standard, the Khmer ethnic is still*

facing some urgent issues during the process of modernization and industrialization. The article will focus on examining three current urgent issues of the Khmer ethnic in the Mekong Delta include: agricultural land, poverty, and the relationship with other ethnic groups. The solutions for these issues will also be suggested as the outcome of examining process of the article.

**Keywords:** Khmer, ethnic groups, Mekong Delta

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam), NXB. Khoa học xã hội, H., (1984).
- [2]. Đinh Lê Thu (chủ nhiệm), *Vấn đề giáo dục đối với cộng đồng người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long: thực trạng và giải pháp*, Đề tài trọng điểm Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, (2003).
- [3]. Mạc Đường (chủ biên), *Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long*, NXB. Khoa học xã hội, (1991).
- [4]. *Một số điểm nổi bật trong tình hình dân tộc thiểu số Kơ-me gần đây*, Tài liệu đánh máy, Thư viện Dân tộc học.
- [5]. Ngô Đức Thịnh, Người Kơ-me đồng bằng sông Cửu Long là thành viên của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 3, (1984).
- [6]. Ngô Văn Lê – Nguyễn Văn Tiếp, *Thực trạng kinh tế - xã hội và những giải pháp xóa đói giảm nghèo ở người Khmer tỉnh Sóc Trăng*, NXB. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, (2003).
- [7]. Nguyễn Khắc Cảnh, *Phum, sóc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*, NXB. Giáo dục, (1998).
- [8]. Nguyễn Mạnh Cường, *Vài nét về người Khmer Nam Bộ*, NXB. Khoa học xã hội, (2002).
- [9]. Nguyễn Thanh Thủy, *Quá trình thực hiện chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với đồng bào Khmer ở ĐBSCL*, Luận án Tiến sĩ sử học, Hà Nội, (2001).
- [10]. Phan Hữu Dật, *Một số vấn đề về dân tộc học Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, (1998).
- [11]. Phan Xuân Biên, *Luận cứ khoa học cho việc xác định chính sách đối với cộng đồng người Khmer và người Hoa ở Việt Nam*, Đề tài Nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước KX.04.12. (1995).
- [12]. Tổng cục Chính trị, *Một số vấn đề dân tộc và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, (1998).
- [13]. Trường Lưu (chủ biên), *Văn hóa người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*, NXB. Văn hóa dân tộc, H., (1993).
- [14]. Viện Văn hóa, *Người Khmer Cửu Long*, Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Cửu Long xuất bản, (1987).
- [15]. Võ Thị Hồng Hoa, *Âm mưu, thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động đối với “vấn đề người Khmer” ở đồng bằng sông Cửu Long*, Luận văn thạc

- sĩ Sử học, (2004).
- [16]. Võ Văn Sen, *Vấn đề ruộng đất ở đồng bằng sông Cửu Long (1954 – 1995)*, tập I: 1954-1975), Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh xuất bản, (1995).
- [17]. Tổng cục Thống kê (1/4/2009), *Kết quả toàn bộ Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009*. <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=512&idmid=5&ItemID=10798>.
- [18]. Lâm Phú, “Mấy vấn đề về thực hiện chính sách dân tộc ở vùng đồng bào dân tộc Khmer”, Tạp chí *Cộng sản*, số 12/1998, tr. 17-18.
- [19]. Nguyễn Thị Xuân Lộc, *Vấn đề ruộng đất ở tỉnh An Giang giai đoạn 1988-2003*, Luận văn thạc sĩ Sử học, 2005.
- [20]. Viện Khoa học Xã hội tại TP. Hồ Chí Minh, *Một số vấn đề cấp bách ở vùng người Khmer đồng bằng sông Cửu Long – Đông Nam Bộ hiện nay*, Đề tài cấp Bộ (Lưu hành nội bộ), 2001.
- [21]. Ngô Văn Lệ (chủ nhiệm), *Vấn đề người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*, Đề tài NCKH cấp Bộ, Bộ Khoa học Công nghệ, 2003.
- [22]. Võ Văn Sen, tài *Những vấn đề cấp bách của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long trong quá trình đi lên công nghiệp hóa - hiện đại hóa*, Tài liệu khảo sát ở cộng đồng người Khmer ở ba tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng và An Giang, (2007).